

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LONG XUYỀN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 81/2022/HNGĐ-ST

Ngày 08 tháng 6 năm 2022

V/v “Tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYỀN, TỈNH AN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Thanh Việt

2. Ông Nguyễn Văn Sơn

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Xuân Bích - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 08 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 195/2022/TLST-HNGĐ, ngày 12 tháng 5 năm 2022 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 200/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 24 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Bích L, sinh năm 1970.

Địa chỉ: ấp B, xã K, thành phố L, tỉnh An Giang. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Phan Văn Q, sinh năm 1963.

Địa chỉ: khóm T, phường H, thành phố L, tỉnh An Giang. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, bản tự khai cùng các lời khai trong quá trình giải quyết, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Phan Văn Q quen biết và tự nguyện sống chung như vợ chồng từ năm 1993 nhưng không đăng ký kết hôn. Ông bà sống hạnh phúc đến năm 2002 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân bất đồng quan điểm sống, xung đột xảy ra hàng ngày, không có biện pháp khắc phục. Do mâu thuẫn đã trầm trọng và hôn

nhân của ông bà không hợp pháp, nên bà L yêu cầu Tòa án không công nhận bà và ông Q là vợ chồng.

Về con chung: Ông bà có một con chung tên Phan Huyền T, sinh năm 1999. Hiện con chung đã thành niên và có khả năng lao động.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai cùng các lời khai trong quá trình giải quyết, bị đơn ông Phan Văn Q trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Nguyễn Thị Bích L tự nguyện sống chung vào năm 1993, nhưng không đăng ký kết hôn đúng như bà L trình bày. Do mâu thuẫn đã trầm trọng, xảy ra trong thời gian dài và hôn nhân của ông bà không hợp pháp, nên ông thống nhất yêu cầu của bà L về việc yêu cầu Tòa án không công nhận ông và bà L là vợ chồng.

Về con chung: Ông thống nhất lời trình bày của bà L, ông bà có một con chung tên Phan Huyền T, sinh năm 1999. Hiện con chung đã thành niên và có khả năng lao động.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Bà L yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận bà và ông Q là vợ chồng. Ông Q có địa chỉ thường trú tại khóm T, phường H, thành phố L, nên Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Bích L và ông Phan Văn Q tự nguyện sống chung từ năm 1993 đến nay nhưng chưa đăng ký kết hôn. Do mâu thuẫn đã trầm trọng, xảy ra trong thời gian dài và hôn nhân của ông bà không hợp pháp, nên bà L và ông Q thống nhất yêu cầu Tòa án không công nhận ông bà là vợ chồng. Xét thấy, ông Q và bà L sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1993 đến nay nhưng chưa đăng ký kết hôn là vi phạm khoản 1 Điều 9 và khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình về việc đăng ký kết hôn và giải quyết hậu quả của việc nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 3 Nghị quyết của Quốc hội số 35/2000/QH10, ngày 09/06/2000 và Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT- TANDTC-VKSNDTC-BTP, ngày 03/01/2001

của Tòa án nhân dân tối cao - Viện kiểm sát nhân dân tối cao - Bộ Tư pháp không công nhận quan hệ giữa bà Nguyễn Thị Bích L và ông Phan Văn Q là vợ chồng.

[2.2]. Về con chung: Ông bà có một con chung tên Phan Huyền T, sinh năm 1999. Hiện con chung đã thành niên và có khả năng lao động.

[2.3]. Về tài sản chung và nợ chung: Ông bà không yêu cầu Tòa án quyết.

[3]. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Bích L chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lý do trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; Điều 15 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 6; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Nguyễn Thị Bích L và ông Phan Văn Q là vợ chồng.

2. Về con chung: Ông bà có một con chung tên Phan Huyền T, sinh năm 1999. Con chung đã thành niên và có khả năng lao động.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà L và ông Q thống nhất về tài sản chung và nợ chung ông bà tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Bích L phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001256, ngày 12/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L. Bà Nguyễn Thị Bích L đã nộp đủ tiền án phí.

Đương sự không có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi gửi:

- Tòa án ND tỉnh An Giang;
- VKS ND TPLX;
- Thi hành án DS TPLX;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng./.

Nguyễn Thị Hoa